| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH LÂM ĐỒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **08**/2018/DS-PT
Ngày: 18-01-2018
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Vũ Thị Nguyệt
*Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Hữu Mừng
Ông Nguyễn Kim Đồng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Hương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2017/TLDS-PT ngày 08 tháng 11 năm 2017 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 51/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐT bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 330/2017/QĐ-PT ngày 25/12/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Vợ chồng ông Lê B, sinh năm 1943
Bà Trịnh Thị C, sinh năm 1949

Trú tại: Số 340 Quốc lộ 20, TT. LNgh, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lê B: Luật sư Nguyễn Thanh Tr – Văn phòng luật sư TrA – Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Võ Thanh Đ(Bảy Th1), sinh năm 1937
Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1951

Trú tại: Số 342 Quốc lộ 20, TT. LNgh, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

Bà V là đại diện theo ủy quyền của ông Đ *(văn bản ủy quyền ngày 08/5/2015)*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Vợ chồng ông Nguyễn Đức Th1, sinh năm 1974
Bà Dương Thị Bích L, sinh năm 1975

Trú tại: 24 NTMK, TT. LNgh, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

2. Ông Trần Bá C1, sinh năm 1982

Trú tại: 432 TNh, tổ 47, TT. LNgh, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

3. Vợ chồng ông Võ Văn U, sinh năm 1979
Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1980
Trú tại: 166 NTT, TT. LNgh, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

4. Bà Bùi Thị Kim L, sinh năm 1984
Trú tại: Tổ 60, TT. LNgh, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

5. Ủy ban nhân dân huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.
Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn Ph. Chức vụ: Chủ tịch.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Anh T. Chức vụ: Phó Trưởng phòng TNMT huyện ĐT *(văn bản ủy quyền số 01/GUQ-UBND ngày 02/01/2018)*.

6. Trường Trung học phổ thông ĐT
Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Th2. Chức vụ: Hiệu trưởng
Địa chỉ: Quốc lộ 20, TT. LNgh, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng
Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc Ph1. Chức vụ: Giám đốc.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Huy V1 *(văn bản ủy quyền ngày 14/3/2017)*.

8. Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.
Đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn H. Chức vụ: Chi cục trưởng.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Chế Đình Ch. Chức vụ: Chấp hành viên *(văn bản ủy quyền ngày 15/01/2018)*

9. Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Lâm Đồng
Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn Th3. Chức vụ: Giám đốc.

10. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh ĐT – PDG LK.
Đại diện: Ông Nguyễn Ngọc A. Chức vụ: Giám đốc PGD.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn ông Lê B, bà Trịnh Thị C.

*(Ông B, bà C, bà V, ông Ch có mặt; ông Đ vắng mặt;*
*Các đương sự còn lại có đơn xin xét xử vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo bản án sơ thẩm,*

*Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Lê B, bà Trịnh Thị C:*

Vào năm 1982 ông chuyển nhượng cho ông Võ Thanh Đ 01 lô đất có diện tích 1.200m$^2$ tại thôn LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng (nay là đường Chu Văn An, thị trấn LNgh, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng) với giá tiền 25.000đ, hai bên có lập giấy chuyển nhượng viết bằng tay, trên giấy chuyển nhượng không ghi kích thước tứ cận của thửa đất. Phần còn lại ông B vẫn canh tác. Sau khi sang nhượng một thời gian thì cả hai bên đều đi đăng ký kê khai xin cấp quyền sử dụng đất, đến ngày 06/10/1993 cả ông và ông Đ đều được Uỷ ban nhân dân huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất của ông là 4.204m$^2$, diện tích đất của ông Đ là 1.296m$^2$. Năm 2001 ông đo

lại đất thì thấy đất của ông Đ dư nhiều so với giấy sang nhượng, ông cho rằng ông Đ lấn chiếm đất mặt tiền đường Chu Văn An của vợ chồng ông chiều ngang là 5,73m, chiều dài kéo thẳng ra phía sau Trường cấp III ĐT là 47,9m. Vì vậy, vợ chồng ông gửi đơn khởi kiện vợ chồng ông Đ, bà V yêu cầu ông Đ và bà V trả lại cho vợ chồng ông diện tích đất 274,46m$^2$ (5,73m x 47,9m).

*Ý kiến của bị đơn vợ chồng ông Võ Thanh Đ, bà Nguyễn Thị V:*

Vào năm 1982 vợ chồng ông, bà có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông B diện tích đất 1.200m$^2$ nhưng chỉ viết giấy tay, hai bên không đo đạc diện tích tứ cận cụ thể, ông B chỉ đóng cọc ở mặt tiền đường Chu Văn An và chỉ ranh đất cho vợ chồng ông, bà sử dụng cho đến nay. Vợ chồng ông B cho rằng vợ chồng ông, bà lấn chiếm đất của vợ chồng ông B là không đúng, bởi vì khi sang nhượng vợ chồng ông B có đo cho vợ chồng ông bà chiều dài mặt tiền đường Chu Văn An là 33m nhưng trên đo đạc thực tế chỉ có 32,7m và qua đo đạc thực tế đất của ông, bà dư ra 145m$^2$ so với bản đồ địa chính là dư phía sau Trường cấp III ĐT, do trước đây Trường cấp III ĐT xây bờ tường thẳng bỏ lại diện tích đất này nên vợ chồng ông bà tận dụng luôn chứ ông bà không lấn chiếm đất của vợ chồng ông B. Vì vậy, ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông B, ông bà có yêu cầu được sử dụng đúng diện tích đất mà ông bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giữ nguyên hiện trạng đất mà các bên đã sử dụng từ trước đến nay, phần diện tích đất dư ra phía sau bờ tường Trường cấp III ĐT lâu nay ông bà vẫn sử dụng nay nhà nước thu hồi thì ông bà trả lại.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 80/DSST ngày 25/7/2002 của Tòa án nhân dân huyện ĐT xử: Bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Lê B, bà Trịnh Thị C về việc đòi lại diện tích 4,33m đất mặt tiền đường Chu Văn An, chiều dài kéo thẳng ra phía sau Trường cấp III ĐT là 49,9m (4,33m x 47,9m = 207,40m). Tạm giao diện tích đất dư 42m$^2$ của vợ chồng ông B và diện tích đất dư 145m$^2$ của vợ chồng ông Đ cho các bên tạm tiếp tục sử dụng, đồng thời kiến nghị Uỷ ban nhân dân huyện ĐT truy thu thuế đất nông nghiệp đối với phần diện tích đất dư ra của các bên và điều chỉnh lại diện tích đất thực tế dư ra so với diện tích đất trên bản đồ địa chính (ngoài ra còn quyết định về án phí).

Ngày 26/7/2002 vợ chồng ông Lê B có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, vợ chồng ông B đồng ý giao cho vợ chồng ông Đ diện tích đất 1.296m$^2$ theo như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đ, nhưng vợ chồng ông Đ phải trả cho vợ chồng ông giá trị bằng tiền của diện tích 96m$^2$ đất nông nghiệp và phải chịu chi phí đo đạc cấp phúc thẩm là 1.898.500đ. Vợ chồng ông Đ chấp nhận diện tích 1.296m$^2$ nhưng không đồng ý thanh toán giá trị của 96m$^2$ đất nông nghiệp và chi phí đo đạc cấp phúc thẩm là 1.898.500đ. Tại Bản án phúc thẩm số 75/DSPT ngày 28/11/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của vợ chồng ông B, bà C. Sửa bản án sơ thẩm: Vợ chồng ông Đ, bà V sử dụng 1.296m$^2$ đất màu có mặt tiền giáp đường Chu Văn An là 28,70m, mặt sau giáp Trường cấp III ĐT là 29,50m, chiều dài giáp đường đi là 41,30m, chiều dài giáp

đất đang tranh chấp là 47,72m. Vợ chồng ông Đ, bà V phải thanh toán cho vợ chồng ông B, bà C 432.000đ giá trị của 96m$^2$ màu và 950.000đ chi phí đo đạc (ngoài ra còn quyết định về án phí).

Sau khi xét xử phúc thẩm, ngày 10/8/2003 Uỷ ban nhân dân huyện ĐT ra Quyết định số 1305/QĐ-UB về việc thu hồi đất dư so với diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Không đồng ý với quyết định, ông B làm đơn khiếu nại gửi đến Uỷ ban nhân dân huyện ĐT. Ngày 17/3/2004 Uỷ ban nhân dân huyện ĐT có công văn số 210/UB bác khiếu nại của ông B. Do không đồng ý, ngày 05/4/2004 ông B khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân huyện ĐT. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/HCST ngày 30/6/2004 của Tòa án nhân dân huyện ĐT xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê B, giữ nguyên Quyết định số 1305/QĐ-UB ngày 10/8/2003 của Uỷ ban nhân dân huyện ĐT.

Ngày 02/7/2004 ông B có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm. Tại bản án số 01/HCPT ngày 19/01/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử: Hủy bản án sơ thẩm số 04/HCST ngày 30/6/2004 của Tòa án nhân dân huyện ĐT và đình chỉ giải quyết vụ án, giao toàn bộ hồ sơ cho Uỷ ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi xét xử dân sự phúc thẩm, ông B và bà V khiếu nại đến Tòa án nhân dân tối cao.

Ngày 04/11/2005, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có Quyết đinh kháng nghị số 158/2005/KN-DS, kháng nghị bản án sân sự phúc thẩm số 75/2002/DSPT ngày 28/11/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, đề nghị hủy bản án sơ thẩm và hủy bản án phúc thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Ngày 19/12/2005 Tòa án nhân dân tối cao có Quyết định giám đốc thẩm số 212/2005/DS-GĐT quyết định: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 80/DSST ngày 25/7/2002 của Tòa án nhân dân huyện ĐT và Bản án dân sự phúc thẩm số 75/DSPT ngày 28/11/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Giao lại hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện ĐT xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra, xác minh, ngày 24/7/2006 Uỷ ban nhân dân huyện ĐT ra Quyết định số 1379/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 1305/QĐ-UB ngày 10/8/2003 của Uỷ ban nhân dân huyện ĐT.

Ngày 27/02/2006 Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng thụ lý lại vụ án để xét xử theo trình tự sơ thẩm. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 154/2006/DSST ngày 18/8/2006 của Tòa án nhân dân huyện ĐT quyết định: Bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Lê B đòi vợ chồng ông Đ giao trả 96m$^2$ đất. Buộc vợ chồng ông Lê B phải giao lại cho vợ chồng ông Đ số tiền 1.382.000đ giá trị của 96m$^2$ đất và chi phí đo đạc trước đây vợ chồng ông Đ đã thanh toán cho vợ chồng ông B. Vợ chồng ông Đ sử dụng diện tích 1.296m$^2$ (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) có mặt tiền giáp đường Chu Văn An 32m, mặt sau giáp trường cấp III ĐT 32m, chiều dài giáp đường công cộng 38m và chiều dài giáp ranh đất ông B là 43m. Tọa lạc tại khu 4, thị trấn LNgh, huyện ĐT, tỉnh

Lâm Đồng. Tạm giao diện tích đất dư 120m$^2$ cho vợ chồng ông Đ tạm sử dụng và có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/8/2006 vợ chồng ông B, bà C kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm, với lý do không đồng ý với bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa dân sự phúc thẩm ngày 27/10/2008, vợ chồng ông B, bà C chỉ yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà V trả thêm giá trị phần diện tích đất dư ra theo họa đồ lập ngày 07/02/2007 là 19,3m$^2$ theo giá thị trường ở thời điểm hiện tại. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 203/2008/DSPT ngày 27/10/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của vợ chồng ông Lê B, bà Trịnh Thị C. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 154/2006/DSST ngày 18/8/2006 của Tòa án nhân dân huyện ĐT, xử: Giữ nguyên vị trí lô đất theo tờ bản đồ hiện trạng sử dụng đất của thửa 128 do Trung tâm thông tin – Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Lâm Đồng lập ngày 07/02/2007, có diện tích là 1.219,3m$^2$, sau khi trừ lộ giới đất có tứ cận như sau: Đông giáp đất ông B có chiều dài 45,05m, Tây giáp đường hẻm công cộng có chiều dài là 39,63m, Nam giáp đất dư của trường cấp III ĐT có chiều dài 29,44m, Bắc giáp đường Chu Văn An có chiều dài 29,32m. Vợ chồng ông Đ, bà V có trách nhiệm thanh toán số tiền chênh lệch đối với phần diện tích đất vượt quá so với hợp đồng chuyển nhượng là 32.810.000đ và 6.583.250đ tiền chi phí đo đạc, thẩm định giá cho vợ chồng ông B, bà C. Vợ chồng ông Đ, bà V có trách nhiệm liên hệ với Uỷ ban nhân dân có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo họa đồ mới lập ngày 07/02/2007. Trả lại cho vợ chồng ông Đ, bà V số tiền 1.382.000đ, để đảm bảo việc thi hành án, tiếp tục tạm giữ (ngoài ra còn quyết định về án phí).

Sau khi xét xử phúc thẩm, bà V có đơn đề nghị xem xét lại vụ án theo trình tự tái thẩm. Tại Quyết định kháng nghị số 354/2014/KN-DS ngày 19/9/2014, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị đối với bản án dân sự phúc thẩm số 203/2008/DSPT ngày 27/10/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Đề nghị Tòa Dân sự Tòa án nhân dân tối cao xét xử Tái thẩm hủy bản án dân sự phúc thẩm và hủy bản án dân sự sơ thẩm nêu trên. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa tái thẩm ngày 16/12/2014, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Tái thẩm không chấp nhận Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để xét xử theo trình tự tái thẩm, mà chỉ có căn cứ để xét xử theo trình tự giám đốc thẩm (vì các tình tiết trong kháng nghị đều đã thể hiện trong hồ sơ vụ án).

Tại Quyết định tái thẩm số 517/2014/DS-TT ngày 16/12/2014 của Tòa án nhân dân tối cao quyết định: Hủy bản án dân sự phúc thẩm số 203/2008/DSPT ngày 27/10/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng và bản án dân sự sơ thẩm số 154/2006/DSST ngày 18/8/2006 của Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng về vụ án: Tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn vợ chồng ông Lê B, bà Trịnh Thị C với bị đơn vợ chồng ông Võ Thanh Đ, bà Nguyễn Thị V.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/4/2015 Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm.

Sau khi bản án dân sự phúc thẩm số 203/2008/DSPT ngày 27/10/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng có hiệu lực pháp luật thì Chi cục Thi hành án dân sự đã tổ chức thi hành án xong, như sau:

- Tại Quyết định kê biên tài sản số 37/QĐ-THA ngày 13/7/2009 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐT. Đối với tài sản kê biên gồm: máy giặt, tủ lạnh, tivi, xe máy và quyền sử dụng đất của ông Đ, bà V.

- Ngày 17/12/2009 Chi cục Thi hành án dân sự tiến hành kê biên tài sản đối với diện tích 160m$^2$ thuộc một phần thửa đất số 101 tờ bản đồ số 13 xã LH, huyện ĐT cấp cho hộ ông Võ Thanh Đ, trong tổng diện tích 6.550m$^2$ do Uỷ ban nhân dân huyện ĐT cấp ngày 14/11/1998.

- Sau đó chấp hành viên ký Hợp đồng ủy quyền bán đấu giá số 07/2010/HĐUQ ngày 12/01/2010 giữa Chi Cục Thi hành án dân sự huyện ĐT với Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Lâm Đồng.

- Ngày 25/02/2010 tổ chức bán đấu giá tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐT, cùng ngày ký Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá với người mua được tài sản đấu giá là bà Dương Thị Bích L giá 63.500.000đ: Tài sản là diện tích đất 160m$^2$, một phần thửa 101, tờ bản đồ 03 tọa lạc tại khu B, thôn Nghĩa Hiệp, LH; Trên đất có 20 cây cà phê mít trên 10 năm tuổi (loại A), 09 cây cà phê Roobusta trên 10 năm tuổi (loại B). Ngày 28/10/2010 tiến hành giao tài sản cho người mua trúng đấu giá tài sản là bà Dương Thị Bích L.

- Đến ngày 26/01/2011 Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐT phân phối tiền thi hành án, gồm: Các khoản chi phí là 2.480.000đ gồm: 1.010.00đ chi phí cưỡng chế kê biên, 440.000đ chi phí thẩm định giá, 300.000đ chi phí thông báo bán đấu giá tài sản, 730.000đ chi phí cưỡng chế giao tài sản; Thu ngân sách nhà nước:1.640.500đ án phí (ông Đ, bà V phải nộp), 153.600đ thuế thu nhập cá nhân; Số tiền trả nợ cho công dân ông B, bà C là: 32.810.000đ tiền chênh lệch đối với phần diện tích đất vượt quá so với hợp đồng chuyển nhượng, tiền chi phí đo đạc + 6.583.250đ, tiền lãi suất cơ bản 4.264.858đ, tổng cộng 43.658.108đ – 1.382.000đ (tiền ông B, bà C phải trả cho ông Đ, bà V theo Bản án phúc thẩm nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án) = 42.276.108đ ông Đ, bà V đã thi hành án trả cho ông B, bà C; Thanh toán chi phí hợp đồng bán đấu giá tài sản là 3.975.000đ; Số tiền còn lại từ việc bán đấu giá tài sản là 12.974.792đ Chấp hành viên đã trả lại cho ông Đ, bà V nhưng ông Đ, bà V không nhận nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng đã làm thủ tục gửi tiết kiệm tại tài khoản của Chi cục Thi hành án huyện ĐT tại Ngân hàng Công Thương – Chi nhánh ĐT.

Sau khi nhận được Quyết định kháng nghị tái thẩm số 354/2014/KN-DS ngày 19/9/2014 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với bản án dân sự

phúc thẩm số 203/2008/DS-PT ngày 27/10/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐT đã ra Thông báo số 33/TB-CCTHA ngày 14/10/2014 tạm đình chỉ thi hành bản án dân sự phúc thẩm nêu trên cho đến khi có Quyết định tái thẩm.

*Quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn vợ chồng ông Lê B, bà Trịnh Thị C nhiều lần thay đổi yêu cầu khởi kiện. Nay, nguyên đơn vợ chồng ông Lê B, bà Trịnh Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:* Ông, bà xác định yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu vợ chồng ông Đ và bà V trả lại cho ông bà diện tích đất 19,3m$^2$. Ông, bà yêu cầu nhận lại bằng tiền, không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Uỷ ban nhân dân huyện ĐT đã cấp cho bị đơn vợ chồng ông Đ, bà V; Ông, bà yêu cầu giữ nguyên kết quả định giá theo chứng thư thẩm định giá ngày 22/9/2008 của Công ty cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam, giá trị của 1m$^2$ = 1.700.000đ, ông, bà không yêu cầu định giá lại; Ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất của các thửa 128, 161 do Trung tâm thông tin – Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Lâm Đồng lập ngày 07/02/2007; Đối với họa đồ đo đạc hiện trạng của hai thửa đất 128, 161 có lồng ghép bản đồ địa chính đo đạc năm 1992 do Trung tâm thông tin – Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Lâm Đồng lập ngày 15/10/2007 ông, bà không thống nhất với họa đồ này. Ông, bà không yêu cầu Tòa án tiến hành đo đạc lại diện tích đất tranh chấp giữa vợ chồng ông và vợ chồng ông Đ, bà V; Sau khi bản án phúc thẩm số 203/2008/DSPT ngày 27/10/2008 có hiệu lực thì Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐT đã thi hành án xong các khoản tiền, còn về phần đất thì chưa thi hành. Đối với hậu quả của việc Thi hành án ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

*Sau khi Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết lại vụ án, quá trình làm việc bà V (bà V cũng là người đại diện theo ủy quyền của ông Đ) có ý kiến như sau:* Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B, bà C. Yêu cầu giữ nguyên diện tích đất 1.296m$^2$ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông Đ, theo bản đồ địa chính được công nhận. Bà không yêu cầu Tòa án tiến hành đo đạc, thẩm định giá lại diện tích đất tranh chấp, bà yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo kết quả định giá ngày 22/9/2008 của Công ty cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam.

Đối với vấn đề thi hành án, bà yêu cầu Tòa án giải quyết việc thi hành bản án nói trên trong vụ án này. Cụ thể, bà yêu cầu hủy quyết định kê biên tài sản số 37/QĐ-THA ngày 13/7/2009 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐT; hủy kết quả đấu giá tài sản ngày 25/02/2010 do Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Lâm Đồng thực hiện; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng đã cấp cho bà Bùi Thị Kim L để trả lại diện tích đất 160m$^2$ thuộc một phần thửa đất số 101 tờ bản đồ số 13, xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng lại cho bà. Diện tích đất này, bà vẫn quản lý, sử dụng cho đến nay.

*Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*Ông Nguyễn Đức Th1, bà Dương Thị Bích L:* Vào năm 2010 bà có mua theo hình thức đấu giá 01 lô đất có diện tích 160m$^2$ thuộc một phần thửa đất số 101 tờ bản đồ số 13 xã LH, huyện ĐT. Sau khi mua bà đã làm thủ tục và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Dương Thị Bích L và Nguyễn Đức Th1. Sau đó, đến năm 2011 vợ chồng bà đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất này cho ông Trần Bá C1. Hiện nay, vợ chồng bà không còn quản lý, sử dụng diện tích đất này nữa vì vậy ông bà không có yêu cầu gì. Việc vợ chồng ông B, bà C khởi kiện vợ chồng ông Đ, bà V ông bà không có ý kiến gì, ông bà xin vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, hòa giải và xét xử vụ án.

*Ông Trần Bá C1:* Trước đây ông có nhận chuyển nhượng 01 diện tích đất 160m$^2$ thuộc một phần thửa đất số 101 tờ bản đồ số 13 xã LH, huyện ĐT của vợ chồng bà Dương Thị Bích L và ông Nguyễn Đức Th1. Việc chuyển nhượng có lập thành hợp đồng và công chứng tại Phòng công chứng số 3. Sau khi nhận chuyển nhượng ông đã làm thủ tục sang tên ông và chuyển đổi mục đích sử dụng, sau đó ông đã chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất này cho ông Võ Văn U. Hiện nay, ông không còn quản lý, sử dụng diện tích đất nói trên nữa. Đối với việc vợ chồng ông B, bà C khởi kiện vợ chồng ông Đ, bà V ông không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì khác. Do công việc bận rộn nên ông xin vắng mặt các buổi làm việc, phiên họp, hòa giải và xét xử vụ án.

V*ợ chồng ông Võ Văn U, bà Võ Thị Đ cung cấp:* Vào năm 2015 vợ chồng ông có nhận chuyển nhượng của ông Trần Bá C1 01 diện tích đất 160m$^2$, thuộc thửa đất số 1951, tờ bản đồ số 13, xã LH, huyện ĐT, sau đó vợ chồng ông đã chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất này cho bà Bùi Thị Kim L. Việc vợ chồng ông B, bà C khởi kiện vợ chồng ông Đ, bà V vợ chồng ông không có ý kiến và không có yêu cầu gì. Ông, bà từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

*Bà Bùi Thị Kim L:* Bà có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Võ Văn U, bà Võ Thị Đ 01 diện tích đất là 160m$^2$ thuộc thửa đất số 1951 tờ bản đồ số 13 xã LH, huyện ĐT. Bà đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 701379 cấp ngày 05/8/2015 cấp cho bà. Lúc nhận chuyển nhượng, giữa bà và vợ chồng ông U, bà Đ có tiến hành đóng cọc 04 cọc ở 04 góc đất nhưng một thời gian sau khi bà vào xem lại thì chỉ còn 02 cọc ở một phía. Trên diện tích đất này có cà phê, nhưng từ khi nhận chuyển nhượng cho đến nay bà không trực tiếp quản lý, sử dụng và cũng không thu hoạch cà phê. Lúc nhận chuyển nhượng bà không biết đây là đất của bà Nguyễn Thị V bị cưỡng chế để thi hành án. Do đó, nay bà V yêu cầu trả lại diện tích đất này và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 701379 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho bà ngày 05/8/2015 bà có ý kiến như sau: Bà yêu cầu giữ nguyên quyền sử dụng diện tích đất 160m$^2$ thuộc thửa đất số 1951 tờ bản đồ số 13 xã LH, huyện ĐT theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 701379 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 05/8/2015 cấp cho bà (Bùi Thị Kim L), vì lúc bà nhận chuyển nhượng diện tích đất này là hợp pháp. Do công việc bận rộn nên bà xin vắng mặt các buổi làm việc, phiên

họp, hòa giải và xét xử vụ án, bà yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật và thông báo kết quả cho bà được biết.

*Uỷ ban nhân dân huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng do ông Võ Văn Ph – Người đại diện theo pháp luật:* Không ý kiến gì về vụ án. Do điều kiện công tác nên ông xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải, xét xử của Tòa án nhân dân huyện ĐT.

*Trường Trung học phổ thông ĐT do ông Nguyễn Hữu Th2 – Người đại diện theo pháp luật:* Trước đây nhà trường đã cung cấp thông tin liên quan đến vụ án cho Tòa án, nay nhà trường vẫn giữ nguyên những thông tin nhà trường đã cung cấp, nhà trường không có ý kiến gì khác. Do công việc bận rộn nên ông không thể đến Tòa án làm việc được, ông xin vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, xét xử tại Tòa án nhân dân huyện ĐT và Tòa án nhân dân các cấp.

*Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Lâm Đồng do ông Vũ Văn Th3 – Người đại diện theo pháp luật:* Thực hiện Hợp đồng bán đấu giá tài sản số 07/HĐUQ ngày 12/01/2010 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐT với Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Lâm Đồng, ngày 25/02/2010 Trung tâm đã thực hiện bán đấu giá thành tài sản là quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất tại Khu B, thôn Nghĩa Hiệp, xã LH, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng với giá bán là 63.500.000đ và người mua được tài sản là bà Dương Thị Bích L. Về trình tự, thủ tục bán đấu giá tài sản Trung tâm đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Trung tâm đồng ý với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ mà Tòa án đang thụ lý và chỉ chịu trách nhiệm về trình tự, thủ tục bán đấu giá tài sản, thông báo bán đấu giá, biên bản niêm yết, biên bản bán đấu giá, hợp đồng mua bán tài sản trên và không chịu trách nhiệm về tính pháp lý đưa ra bán đấu giá mà tính pháp lý do cơ quan có tài sản ủy quyền chịu trách nhiệm. Do công việc bận rộn nên ông xin vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, xét xử của Tòa án các cấp.

*Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh Lâm Đồng do ông Đào Huy V1 – Người đại diện theo ủy quyền:* Đối với yêu cầu của các đương sự cũng như nội dung vụ án, Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh Lâm Đồng không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án nhân dân huyện ĐT căn cứ các quy định của pháp luật để xử lý vụ án. Do điều kiện công tác, nên ông xin vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, xét xử của Tòa án nhân dân huyện ĐT.

*Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng do ông Mai Văn H – Người đại diện theo pháp luật:* Vì lý do công việc, ông không thể tham gia các buổi làm việc và xét xử của Tòa án các cấp. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện ĐT giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh ĐT – Phòng Giao dịch LK do ông Nguyễn Ngọc A:* Ngân hàng xác nhận ông Võ Thanh Đ, sinh năm 1937 và vợ là bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1951 đến ngày 06/9/2017 không còn nợ tiền tại phòng giao dịch LK, trực thuộc Agribank chi

nhánh ĐT, Lâm Đồng. Ngân hàng đề nghị vắng mặt trong tất cả các ngày làm việc liên quan đến vụ án.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án sơ thẩm số 51/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐT đã xử :

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Lê B, bà Trịnh Thị C về việc khởi kiện buộc bị đơn vợ chồng ông Võ Thanh Đ, bà Nguyễn Thị V trả lại diện tích đất 19,3m$^2$.

Giữ nguyên diện tích đất 1.296m$^2$ (chưa trừ lộ giới) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp ông Võ Thanh Đ ngày 06/10/1993, thuộc thửa số 128, tờ bản đồ số 05. Có kích thước tứ cận: Đông giáp đất ông B dài 43m, Tây giáp đường hẻm công cộng dài 38m, Nam giáp đất dư của Trường cấp III ĐT dài 32m, Bắc giáp đường Chu Văn An dài 32m (tính từ hẻm công cộng đến giáp đất ông B).

- Buộc vợ chồng ông Lê B, bà Trịnh Thị C phải trả lại cho vợ chồng ông Võ Thanh Đ, bà Nguyễn Thị V các khoản tiền sau: Tiền giá trị 19,3m$^2$ đất số tiền 32.810.000đ; Tiền chi phí đo đạc, thẩm định giá 6.583.250đ; Tiền lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án 4.264.858đ. Tổng cộng là 43.658.108đ.

- Về chi phí tố tụng: Vợ chồng ông Lê B và bà Trịnh Thị C phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc, thẩm định giá đất là 13.166.500đ, đã nộp xong.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 10/10/2017 nguyên đơn ông Lê B, bà Trịnh Thị C kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm như bản án phúc thẩm số 203/2008/DSPT ngày 27/10/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng theo hướng buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán giá trị quyền sử dụng diện tích 19,3m$^2$ x 1.700.000đ/m$^2$ = 32.810.000đ.

*Tại phiên tòa hôm nay,*

Ông B, bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà V không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông B, bà C. Đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán giá trị quyền sử dụng diện tích 19,3m$^2$ x 1.700.000đ/m$^2$ = 32.810.000đ là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không giải quyết hậu quả của việc thi hành bản án là vi phạm nghiêm

trọng thủ tục tố tụng. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện ĐT thụ lý giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn vợ chồng ông Lê B, bà Trịnh Thị C khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Võ Thanh Đ, bà Nguyễn Thị V trả lại diện tích 19,3m$^2$ dư so với giấy nhượng đất năm 1982 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 07/02/2007, đề nghị trả bằng giá trị theo kết quả thẩm định giá ngày 22/9/2008. Bị đơn không đồng ý nên dẫn đến tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ "Tranh chấp quyền sử dụng đất" là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông B, bà C thì thấy rằng:

Ngày 20/3/1982 giữa nguyên đơn và bị đơn có lập giấy tay nhường đất thổ cư với diện tích 1.200m$^2$ đất tại thôn LH, xã LH, huyện ĐT (nay là khu phố 4, thị trấn LNgh), có giá 25.000đ, không xác định kích thước các cạnh của thửa đất. Xét thấy, nguyên đơn đã nhận đủ tiền và giao đất cho bị đơn từ năm 1982. Bị đơn đã sử dụng đất ổn định, lâu dài và được Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 06/10/1993 với diện tích 1.296m$^2$ thuộc thửa 128, tờ bản đồ số 05. Do đó, việc cấp sơ thẩm căn cứ Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để công nhận bị đơn có quyền sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất trên là hoàn toàn có cơ sở.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì phía nguyên đơn ông B thừa nhận không biết chính xác tổng diện tích đất của mình trước khi chuyển nhượng cho bị đơn là bao nhiêu, không xác định được kích thước của các cạnh khi chuyển nhượng đất cho bị đơn, không xác định được ranh giới đất với bị đơn. Bên cạnh đó, theo biên bản xác minh ngày 30/12/2013 và biên bản xác minh ngày 21/7/2016 Trường cấp III ĐT, tỉnh Lâm Đồng xác nhận: Về ranh giới giữa thửa đất của nhà trường và thửa đất của ông Lê B, ông Võ Thanh Đ trước kia được phân cách bởi cọc sắt, hàng rào kẽm gai và không phải là một đường thẳng; quá trình canh tác có thể các hộ dân liền kề di dời cọc sắt để lấn đất, nhưng nhà trường không biết và không kiểm soát được. Khoảng cuối năm 1998, nhà trường tiến hành xây dựng hàng rào kiên cố và hiện nay hàng rào ngăn cách thửa đất của nhà trường với thửa đất của ông B, ông Đ là một đường thẳng, có thể khi xây dựng nhà trường xây theo đường thẳng nên có thể không xây hết đất, diện tích đất còn thừa lại thì các hộ dân liền kề lấn chiếm sử dụng hết. Theo trích lục bản đồ địa chính năm 1997 thì thửa đất của nhà trường có số thửa là 127, diện tích là 30.897m$^2$. Tuy nhiên, hiện tại nhà trường chỉ sử dụng diện tích là 28.407m$^2$ thửa đất số 222, tức là thửa đất hiện nay có bị thiếu so với diện tích đo vẽ năm 1997, lý do bị thiếu hụt là do bị trừ lộ giới, trụ điện và ranh giới sử dụng

có biến động. Hiện nay, ngoài hàng rào kiên cố, không còn đất của nhà trường, không có yêu cầu gì. Điều này hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của bị đơn là trong quá trình sử dụng đất bị đơn có tận dụng một phần diện tích đất của Trường cấp III ĐT nên khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất của bị đơn có dư so với giấy chuyển nhượng và hiện trạng sử dụng đất dư so với khi được cấp giấy.

Về giải quyết hậu quả của việc thi hành bản án: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Bị đơn có yêu cầu nhưng lại không đề nghị xem xét thẩm định, định giá đối với diện tích đất 160m$^2$ thuộc một phần thửa 101 (nay là thửa 1951) tờ bản đồ số 13, xã LH, huyện ĐT nên cấp sơ thẩm chưa giải quyết. Việc không giải quyết hậu quả của việc thi hành bản án trong cùng vụ án là gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của bị đơn nhưng do bị đơn không kháng cáo nên cấp phúc thẩm không xem xét, sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê B, bà Trịnh Thị C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Lê B, bà Trịnh Thị C về việc khởi kiện buộc bị đơn vợ chồng ông Võ Thanh Đ, bà Nguyễn Thị V trả lại diện tích đất 19,3m$^2$.

Giữ nguyên diện tích đất 1.296m$^2$ (chưa trừ lộ giới) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện ĐT cấp ông Võ Thanh Đ ngày 06/10/1993, thuộc thửa số 128, tờ bản đồ số 05. Có kích thước tứ cận: Đông giáp đất ông B dài 43m, Tây giáp đường hẻm công cộng dài 38m, Nam giáp đất dư của Trường cấp III ĐT dài 32m, Bắc giáp đường Chu Văn An dài 32m (tính từ hẻm công cộng đến giáp đất ông B).

2. Buộc vợ chồng ông Lê B, bà Trịnh Thị C phải trả lại cho vợ chồng ông Võ Thanh Đ, bà Nguyễn Thị V các khoản tiền sau: Tiền giá trị 19,3m$^2$ đất số tiền 32.810.000đ; Tiền chi phí đo đạc, thẩm định giá 6.583.250đ; Tiền lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án 4.264.858đ. Tổng cộng là 43.658.108đ.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.*

3. Về chi phí tố tụng: Vợ chồng ông Lê B và bà Trịnh Thị C phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc, thẩm định giá đất là 13.166.500đ, đã nộp xong.

4. Về án phí:

Vợ chồng ông Lê B, bà Trịnh Thị C phải chịu 1.640.500đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 50.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 008723 ngày 18/3/2002 và 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006930 ngày 12/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐT. Ông B, bà C còn phải nộp 1.590.500đ án phí.

Hoàn trả cho ông Võ Thanh Đ, bà Nguyễn Thị V số tiền 1.640.500đ án phí đã nộp.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh LĐ;
- Phòng KTNV & THA;
- TAND huyện ĐT;
- Chi cục THADS huyện ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Vũ Thị Nguyệt**